

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

30/09/2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC
HÒA BÌNH
(CÔNG TY MẸ)**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
0	1	2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,207,066,412,653	793,819,756,643
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	80,651,937,700	180,677,437,789
1	Tiền	111		31,151,937,700	8,762,437,789
2	Các khoản tương đương tiền	112		49,500,000,000	171,915,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13,982,834,185	
1	Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	13,982,834,185	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III.	Các khoản phải thu	130	5.3	978,429,003,715	473,649,274,143
1	Phải thu khách hàng	131		221,403,131,309	201,347,707,448
2	Trả trước cho người bán	132		179,540,148,953	2,410,638,739
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		576,040,460,153	262,185,901,935
5	Các khoản phải thu khác	135		1,977,371,236	8,237,133,957
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(532,107,936)	(532,107,936)
IV.	Hàng tồn kho	140	5.4	121,083,062,082	136,680,564,978
1	Hàng tồn kho	141		121,083,062,082	136,680,564,978
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		12,919,574,971	2,812,479,733
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	309,679,915	121,897,030
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,411,077,178	
3	Các khoản thuế phải thu	154	5.6		
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	5,198,817,878	2,690,582,703

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		588,374,584,662	461,121,539,585
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		259,029,389,418	220,704,224,564
1	Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	249,460,847,950	214,675,952,553
	- Nguyên giá	222		318,593,450,776	259,120,012,716
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,132,602,826)	(44,444,060,163)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	5.12	5,334,797,912	5,252,865,761
	- Nguyên giá	228		5,810,760,789	5,586,834,348
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(475,962,877)	(333,968,587)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.13	4,233,743,556	775,406,250
III.	Bất động sản đầu tư	240			
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.15	303,866,728,655	207,399,853,877
1	Đầu tư vào công ty con	251		232,981,703,405	155,882,459,181
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		80,468,170,000	29,659,000,000
3	Đầu tư dài hạn khác	258		-	29,590,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(9,583,144,750)	(7,731,605,304)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		25,478,466,589	33,017,461,144
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.16	24,789,949,656	32,949,992,011
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		67,469,133	67,469,133
3	Tài sản dài hạn khác	268		621,047,800	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,795,440,997,315	1,254,941,296,228

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2010

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,178,745,426,416	683,850,129,529
I.	Nợ ngắn hạn	310		1,120,519,881,127	667,189,232,536
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	5.17	363,664,304,697	302,397,405,547
2	Phải trả cho người bán	312		296,282,115,683	124,461,148,904
3	Người mua trả tiền trước	313		227,801,416,303	73,670,597,917
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.18	29,316,996,463	41,679,334,481
5	Phải trả người lao động	315		27,331,693,156	29,879,632,066
6	Chi phí phải trả	316	5.19	145,815,871,729	86,906,868,753
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.20	19,006,599,116	3,094,876,009
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		11,300,883,980	5,099,368,859
II.	Nợ dài hạn	330		58,225,545,289	16,660,896,993
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	5.22	25,862,201,561	16,152,091,993
5	Thuế thu nhận hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		275,357,084	508,805,000
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		6,352,091,981	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		25,735,894,663	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.24	616,695,570,899	571,091,166,699
I.	Vốn chủ sở hữu	410		616,695,570,899	571,091,166,699
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		167,310,030,000	151,195,400,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		368,383,473,203	368,383,473,203
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ	414		(17,947,727,609)	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(435,508,826)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		25,161,412,998	11,623,067,834
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		9,059,366,515	4,546,584,793
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420		64,729,015,792	35,778,149,695
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1,795,440,997,315	1,254,941,296,228

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

Đơn vị báo cáo: CTY CP XÂY DỰNG & KD ĐỊA ỐC HÒA BÌNH (HBC)
Địa chỉ: 235 Võ Thị Sáu, P.7, Quận 3, Tp.HCM

Mẫu số B 01a - DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
1.	Tài sản thuê ngoài			-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý				190,061,400
5.	Ngoại tệ các loại			61,930.10	23,412.85
	- USD			61,930.10	23,412.85
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2010

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phan Ngọc Thanh



Viêt Hải

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

Đơn vị báo cáo: CTY CP XÂY DỰNG & KD ĐỊA ỐC HÒA BÌNH (HBC)
 Địa chỉ: 235 Võ Thị Sáu, P.7, Quận 3, Tp.HCM

Mẫu số B 02a - DN/HN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	01	6.1	390,004,312,925	393,199,201,878	1,079,682,970,981	1,297,432,771,882
Doanh thu bán hàng xây dựng			390,004,312,925	393,199,201,878	1,079,682,970,981	1,103,777,250,009
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư			-	-	-	193,655,521,873
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		390,004,312,925	393,199,201,878	1,079,682,970,981	1,297,432,771,882
Giá vốn hàng bán	11	6.4	322,355,196,475	363,520,573,347	914,079,575,797	1,248,600,683,222
Giá vốn hàng bán xây dựng			322,355,196,475	363,520,573,347	914,079,575,797	1,029,328,581,381
Giá vốn bất động sản đầu tư			-	-	-	219,272,101,843
Lợi nhuận gộp	20		67,649,116,450	29,678,628,531	165,603,395,184	48,832,088,658
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	2,304,641,305	3,375,515,859	22,160,500,618	9,437,512,236
Chi phí tài chính	22	6.6	11,037,180,486	4,808,190,348	33,462,827,466	15,369,517,475
- Trong đó: lãi vay	23		10,613,337,028	4,808,190,348	31,212,291,220	15,379,867,258
Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13,279,456,015	6,724,629,034	36,567,088,540	17,181,554,837
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		45,637,121,254	21,521,325,008	117,733,979,796	25,718,528,582
Thu nhập khác	31	6.7	871,517,485	1,079,966,388	2,756,283,880	2,426,908,345
Chi phí khác	32	6.8	400,093,205	941,302,098	1,403,489,968	4,291,752,297
Lợi nhuận khác	40		471,424,280	138,664,290	1,352,793,912	(1,864,843,952)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46,108,545,534	21,659,989,298	119,086,773,708	23,853,684,630
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	11,527,136,384	5,414,997,325	28,831,139,282	5,848,427,308
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34,581,409,150	16,244,991,973	90,255,634,426	18,005,257,322

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2010

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Phan Ngọc Thanh



Viết Hải

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 03 NĂM 2010

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III Năm 2010

Đơn vị tính: VND

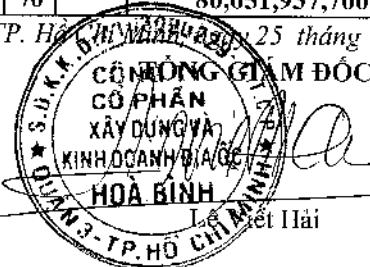
CHỈ TIÊU	Mã số	T. Minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		119,086,773,708	23,853,684,630
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			-	-
Khấu hao tài sản cố định	02		24,830,536,953	13,672,523,608
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	03		1,851,539,446	334,938,600
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		435,508,826	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,683,031,400)	(321,350,327)
Chi phí lãi vay	06		33,462,827,466	16,193,781,298
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		166,984,154,999	53,733,577,809
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(507,567,728,106)	(204,702,569,479)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		15,597,502,896	235,628,792,345
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		402,148,244,539	78,614,744,607
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		6,338,487,173	(27,601,262,142)
Tiền lãi vay đã trả	13		(34,406,188,761)	(19,851,047,646)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12,793,889,281)	(741,204,503)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3,202,671,940	94,550,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6,126,569,781)	(1,019,292,116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33,376,685,618	114,156,288,875
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	-
Tiền chi mua, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(63,155,701,807)	(87,170,513,799)
Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(12,676,119,368)	(68,939,950,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của ĐV khác	24		5,000,000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(187,180,701,499)	(18,271,064,925)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		88,857,287,275	18,685,800,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,762,216,583	322,768,036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		1,500,000,000	-
Tiền chi mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		(17,947,727,609)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		511,835,366,986	453,108,109,611
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(440,858,358,268)	(324,339,170,696)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17,543,448,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36,985,833,109	128,768,938,915
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(100,025,500,089)	87,552,267,102
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		180,677,437,789	68,548,564,532
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		80,651,937,700	156,100,831,634

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Phan Ngọc Thanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2010



Nguyễn Việt Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP.

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình là một công ty cổ phần (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000229 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/08/2002, thay đổi lần 2 ngày 25/03/2004, thay đổi lần 3 ngày 02/03/2006, thay đổi lần 4 ngày 07/07/2006, thay đổi lần 5 ngày 04/09/2007, thay đổi lần 6 ngày 28/11/2008, thay đổi lần 7 ngày 16/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2000.

Ngày 22/11/2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu số 80/UBCK-GPNY cho Công ty. Và ngày 22/11/2006, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu : 5.639.990 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá : 56.399.900.000 đồng.

Ngày 17/07/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 131/UBCK-GCN cho Công ty theo các nội dung sau:

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng;
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 7.860.010 cổ phiếu.

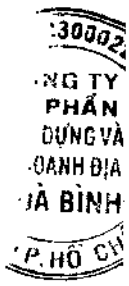
Ngày 09/07/2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 1363/UBCK-QLPH không phản đối việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2007 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2008.

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng;
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2007: 1.619.540 cổ phiếu.

Vốn điều lệ của Công ty là 151.195.400.000 đồng.

Ngày 17/09/2010, Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM đã cấp quyết định niêm yết bổ sung cổ phiếu số 207/QĐ-SGDHCM cho Công ty. Và ngày 17/09/2010, số cổ phiếu này đã được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau.

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng;



- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2009 là: 1.461.463 cổ phiếu và phát hành cổ phiếu CBCNV: 150.000 cổ phiếu, tổng cộng: 1.611.463 cổ phiếu.

Vốn điều lệ của Công ty là 167.310.030.000 đồng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh địa ốc; Sản xuất vật liệu xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000229 lần đầu ngày 01/12/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28/11/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm :

- * Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, công trình giao thông, hệ thống cấp thoát nước.
- * San lấp mặt bằng.
- * Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình).
- * Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất
- * Dịch vụ sửa chữa nhà.
- * Trang trí nội thất.
- * Trồng rừng cao su, xà cừ, trầm và bạch đàn.
- * Khai thác và sơ chế gỗ (không hoạt động tại TP.HCM).
- * Kinh doanh du lịch, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- * Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.
- * Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp.
- * Kinh doanh bất động sản .

1.4. Các công ty con:

* Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Hòa Bình (HBA) được thành lập ngày 7 tháng 5 năm 2002:

- Địa chỉ: số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Hoạt động kinh doanh chính: tư vấn xây dựng, khảo sát công trình, thiết kế kiến trúc công trình ;

- Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

* Công ty TNHH Sơn Hòa Bình (HBP) được thành lập ngày 24 tháng 12 năm 2001;

Địa chỉ: số 37/5A Khu phố 5 Phan Văn Hón, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất ;

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

* Công ty TNHH Thương mại H.B.T (HBT) được thành lập ngày 24 tháng 12 năm 2003

Địa chỉ: số 235 đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính: mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, xúc tiến thương mại, đại lý ký gửi hàng hoá, dịch vụ quảng cáo, lắp đặt và gia công hàng trang trí nội thất;

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

* Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy (AHA) được thành lập ngày 14 tháng 8 năm 1993:



Địa chỉ: số 1700/3C Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Hoạt động kinh doanh chính: trang trí nội thất; sản xuất vật liệu xây dựng (cửa nhôm); san lấp mặt bằng, mua bán vật tư ngành xây dựng
Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 90%

* Công ty cổ phần Nhà Hòa Bình (HBH) được thành lập ngày 7 tháng 7 năm 2007:

Địa chỉ: số 235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 94%

* Công ty cổ phần Cơ điện Hòa Bình (HBE) được thành lập ngày 2 tháng 2 năm 2008:

Địa chỉ: 235/2 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính: thi công lắp đặt trang thiết bị công trình xây dựng, hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống làm lạnh;

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 85%

* Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình (HBT) được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2008:

Địa chỉ: ấp 7, xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh chính: đầu tư xây dựng khu công nghiệp để khai thác kinh doanh;

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 80.78%

* Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hòa Bình - Phú Yên (HBY) được thành lập ngày 8 tháng 11 năm 2007:

Địa chỉ: số 169 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Hoạt động kinh doanh chính: đầu tư các dự án xây dựng công trình giao thông;

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 98%

* Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hòa Bình - Huế (HBL) được thành lập ngày 22 tháng 11 năm 2007:

Địa chỉ: Thôn Phú Hải 2, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Hoạt động kinh doanh chính: đầu tư xây dựng khu biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp Lăng Cô;

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 95%

* Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hòa Bình Đắk Lắk (HBD) được thành lập ngày 11 tháng 3 năm 2008:

Địa chỉ: 32 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Lập, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động kinh doanh chính: trồng rừng, sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ;

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 80%

* Công ty cổ phần sản xuất và trang trí Mộc Hòa Bình (MHB-CP) được thành lập ngày 17 tháng 5 năm 2008:

Địa chỉ: 235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 90%

* Công ty TNHH MTV Xây dựng và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội được thành lập ngày 09 tháng 08 năm 2010

Địa chỉ: 1603, 101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

1.5. Các công ty liên doanh:

*** Công ty CP Xây dựng Nhân Hưng**

Địa chỉ: 210/25/2/5 Nguyễn Thượng Hiền, P1, Q Gò Vấp, Tp HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 54%

1.6. Các công ty liên kết:

*** Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng**

Địa chỉ: 27 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ phần sở hữu/ quyền biểu quyết: 21,73%

*** Công ty Cổ phần Hòa Bình Phước Lộc Thọ**

Địa chỉ: 235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ phần sở hữu/ quyền biểu quyết: 47,94%

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

2.1. Kỳ kế toán năm, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; các thông tư và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và sửa đổi, bổ sung.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

-Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm báo cáo.



-Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ phát sinh không phải VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những tài sản bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- Riêng Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình thì áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để xác định số lượng hàng tồn kho cuối kỳ và giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 "Hàng tồn kho". Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.
- Hàng hoá bất động sản : Quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng được Công ty mua để bán/ dự định bán trong kỳ kinh doanh thông thường hoặc trong vòng 12 tháng tới được ghi nhận như là hàng hoá bất động sản.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: ghi nhận theo nguyên giá. Trong bảng cân đối kế toán, tài sản cố định được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại. Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí cải tạo và làm mới chủ yếu thì được ghi vào tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành về "Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: chưa phát sinh.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: các khoản đầu tư này được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của công ty theo giá gốc. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty con được lập trên cơ sở hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc thì lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Lập bổ sung theo số chênh lệch lớn hơn dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đã lập năm trước còn lại đang ghi sổ kế toán

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Vì là khoản vay vốn riêng biệt sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng nên chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là chi phí đi vay thực tế phát sinh của khoản vay riêng biệt này.

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm những khoản chi phí:

- Chi phí khác: Các khoản chi phí khác được vốn hóa là những khoản chi phí:

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phương pháp phân bổ là phương pháp đường thẳng.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí

4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: chưa phát sinh.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

-Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

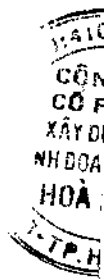
-Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch, đánh giá lại tài sản: các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định của Nhà nước.

-Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư XDCB.

-Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: việc ghi nhận doanh thu bán hàng tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác":



- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ tuân thủ đầy đủ 4 điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác":

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính tuân thủ đầy đủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác":

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.

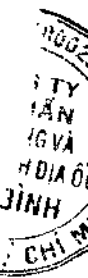
4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Theo quy định của Nhà nước, các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 01/01/2007 sẽ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết, và Công ty đã chọn năm 2007 và năm 2008 là 2 năm được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.



Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

4.14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối kỳ.

4.15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: chưa phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: VND

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2010	01/01/2010
- Tiền mặt	74,421,759	229,436,346
- Tiền gửi ngân hàng - VND	29,891,022,146	8,112,951,500
- Tiền gửi ngân hàng - USD	1,186,493,795	420,049,943
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn - VND	49,500,000,000	171,915,000,000
Cộng	80,651,937,700	180,677,437,789

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2010	01/01/2010
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
- Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	13,982,834,185	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	13,982,834,185	-

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2010	01/01/2010
- Phải thu khách hàng	221,403,131,309	201,347,707,448
- Trả trước cho người bán	179,540,148,953	2,410,638,739
- Phải thu theo tiến độ K/H HĐ xây dựng	576,040,460,153 (*)	262,185,901,935
- Phải thu khác	1,977,371,236	8,237,133,957
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(532,107,936)	(532,107,936)
Cộng	978,429,003,715	473,649,274,143

(*) Các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng, chi tiết như sau:

	30/09/2010	01/01/2010
Cty LD TT TM & căn hộ Sài Gòn-Ctr 11D Thi Sách	4,642,218,150	4,642,218,150
Cty TNHH Vạn Phát Hưng - Phú Mỹ "móng cọc+tăng hầm	0	6,646,916,326
Tổng Cty VLXD số 1 - Ctr Horizon	18,918,326,906	1,682,526,199
Cty TNHH SX KD XNK Bình Minh - Ctr The Mannor Phase II	2,793,838,354	0
Cty CP BV Phụ Sản -Nhi Q tế Hạnh Phúc-Ctr Bệnh viện Hạnh Phúc	15,490,289,279	15,268,413,029
Cty Cổ Phần Thông Đức - Ctr TTTM Phan Chu Trinh, Đà Lạt	0	8,580,920,521
Cty LD Phú Mỹ Hưng - Ctr CR5-8	14,514,107,098	0
Cty CP Phát triển Nhà Thủ Đức - Ctr Chung cư TDH Trường Thọ	0	32,695,982,835
Tổng Cty Cảng Hàng Không Miền Nam- Ctr Cảng Hàng không Miền Nam	13,554,723,221	16,679,113,634
Cty Samsung Engineering - Ctr Intel A9/19 ATM	0	81,083,761
Cty CP Vincom - Ctr Vincom	33,706,368,557	24,396,961,501
Cty TNHH Thiết kế Ziovi - Ctr Kunho Trang trí nội thất	369,299,821	0
Cty TNHH XD Seo Yong Việt Nam - Ctr Keangnam Hà Nội	41,396,743,432	23,309,558,715
Cty TNHH Thiết kế Ziovi - Ctr Keangnam - Thi công	1,786,272,697	0
Cty TNHH LD Phú Mỹ Hưng- Ctr S25	620,133,562	0
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Biệt Thự Quỳnh Anh	0	3,108,306,467
Đại học Quốc tế RMIT VN- Ctr RMIT Q7	45,311,558,736	14,032,371,671
Cty Cổ phần Hóa Dầu Quân đội - Ctr Complex Mipecc Building	40,659,043,151	20,776,718,953
Cty Bouygues Batiment International - Ctr M& C Tower	9,238,815,370	3,805,785,684
Ctr Green Hotel - Cty CP Xây Dựng - Thương Mại H & T	2,616,366,635	2,252,136,342
Cty TNHH Thiết kế Ziovi - Ctr Lotte Mark	51,706,325	4,760,032,866

Tổng Cty Cảng Hàng Không Miền Nam- Ctr Nhà ga Qte SB TSN	7,128,900,091	6,627,087,273
Tổng công ty CP Xuất Nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam - Ctr Bảo tàng Hà Nội	13,148,528,725	0
Cty TNHH XD SeoYong Việt Nam - Ctr Sunrise city	21,392,080,767	3,003,452,069
Cty CP Đầu tư Sài Gòn - Ctrính Cao ốc VP.SGI	688,181,818	0
Cty TNHH SX & TM Tài Nguyên - Ctr Cui Phước Nguyên Hưng	90,956,171,365	64,030,550,437
Cty TNHH SX & TM Tài Nguyên - Ctr KENTON- khối nhà GH- hoàn thiện	6,659,586,307	0
Cty TNHH TM DV KS Tân Hoàng Minh - Ctr Cao ốc Tân Hoàng Minh	4,285,565,364	2,166,903,929
Cty TNHH TM DV KS Tân Hoàng Minh - Ctr Tân Hoàng Minh - cơ điện	1,838,625,280	0
Cty DooSan Heavy Industries & Construction-Ctr Habico kết cấu	10,251,012,435	1,682,738,400
Cty DooSan Heavy Industries & Construction- Ctr Habico xây tô	626,560,000	0
Cty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh - Ctr Rce Tower- Đoàn Văn Bơ Nguyễn Thị Bảy - Nhà tư C7/198 ấp 3, Xã Tân Nhựt	27,668,752,457	1,956,123,173
Tổng Cty Cảng Hàng Không Miền Nam- Ctr Cảng HK Quốc tế TSN	858,685,072	0
Cty TNHH XD SeoYong Việt Nam - Ctr Saigon Time Squares	12,002,266,103	0
Cty TNHH SX TM Lan Phương - Ctr Lan Phương Tower	25,759,907,999	0
Cty CP Đức Khải - Ctr Khu tái định cư Phú Mỹ- Phần ngầm	5,640,728,661	0
Cty TNHH Mặt Trời Sông Hàn - Ctr Khách sạn Novotel	42,055,435,290	0
Cty CP Đầu tư tài chính Ninh Bắc - Ctr FLC Landmark	10,338,889,937	0
Cty CP Việt Âu - Ctr Lotus Garden - Phần ngầm	7,994,269,118	0
Thầu XD dự án Vista TP.HCM - Ctr Vista - Hoàn Thiệ	9,852,331,709	0
Cty CP Du Lịch Sài Gòn Hàm Tân - Ctr Marriott-Hàm Tân	1,713,190,671	0
Tổng Cty Cảng Hàng Không Miền Nam- Ctr Nhà Điều hành	864,875,212	0
Cty TNHH Thiết kế Ziovi-Ctr Nhà Điều Hành - Huynhdai	10,159,562,099	0
Cty Cp Savico Hà Nội - Ctr Savoco (kết cấu Móng+hầm)	1,495,390,182	0
Cty CP Vthông Thoc & Đư XB Phú An Hưng- Ctr Soái Kinh Lâm	10,886,070,372	0
Cty CP Tư vấn & Vtu tbi đo đạc Nam Sông Tiên - Ctr Nam Sông Tiên kết hợp nhà ở chuyên gia	51,818,182	0
Cty TNHH XD SeoYong Việt Nam - Ctr Marriott Ha Noi	530,165,268	0
Cty Liên danh HB-GS- Ctr Laguna	1,659,090,909	0
	3,864,007,466	0
Cộng	576,040,460,153	262,185,901,935

5.4 Hàng tồn kho

	30/09/2010	01/01/2010
- Nguyên liệu, vật liệu XD	53,812,514,101	20,438,031,342
- Hàng hoá bất động sản	67,270,547,981	116,242,533,636
Cộng	121,083,062,082	136,680,564,978

Chi tiết số dư hàng hoá bất động sản vào ngày 30 tháng 09 năm 2010 bao gồm:

Quyền sử dụng đất tại	Diện tích	Giá gốc VND
Lô đất tại Long Thới, huyện Nhà Bè, TpHCM	29,698,00 m ²	57,621,552,981
Lô đất tại Thanh Xuân, Q.12	10,278 m ²	217,600,000
Lô đất tại Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, TpHCM	8,518,00 m ²	9,431,395,000
Cộng		67,270,547,981

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2010	01/01/2010
Phí bảo lãnh các công trình	248,265,259	75,930,813
Công cụ và dụng cụ	-	16,495,629

Các khoản khác
Cộng

61,414,656	29,470,588
<u>309,679,915</u>	<u>121,897,030</u>

5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế GTGT được khấu trừ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
Cộng

<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
7,411,077,178	-
-	-
-	-
<u>7,411,077,178</u>	<u>-</u>

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng
- Ký quỹ thực hiện công trình
- Ký quỹ khác
Cộng

<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
-	-
3,203,155,000	1,569,382,703
1,995,662,878	774,400,000
-	346,800,000
<u>5,198,817,878</u>	<u>2,690,582,703</u>

5.8 Phải thu dài hạn nội bộ: chưa phát sinh

5.9 Phải thu dài hạn khác: chưa phát sinh



CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC HÒA BÌNH

235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TB Dựng cụ quân lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư tại ngày 01/01/2010</i>	529,630,366	249,468,455,942	5,216,906,629	3,905,019,779	259,120,012,716
- Mua trong năm	-	59,750,041,363	319,745,455	659,814,460	60,729,601,278
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	55,744,854	55,744,854
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(1,311,908,072)	-	-	(1,311,908,072)
<i>Số dư tại ngày 30/09/2010</i>	529,630,366	307,906,589,233	5,536,652,084	4,620,579,093	318,593,450,776
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư tại ngày 01/01/2010</i>	60,894,485	42,021,438,750	1,476,464,299	885,262,629	44,444,060,163
- Khấu hao trong năm	8,304,753	23,877,369,780	416,296,660	386,571,470	24,688,542,663
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/09/2010</i>	69,199,238	65,898,808,530	1,892,760,959	1,271,834,099	69,132,602,826
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày 01/01/2010	468,735,881	207,447,017,192	3,740,442,330	3,019,757,150	214,675,952,553
- Tại ngày 30/09/2010	460,431,128	242,007,780,703	3,643,891,125	3,348,744,994	249,460,847,950

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

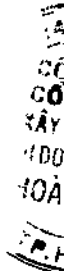
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính: chưa phát sinh



CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC HÒA BÌNH

235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

5.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
<i>Số dư tại ngày 01/01/2010</i>					
- Mua trong năm	4,500,924,600	707,557,125	-	378,352,623	5,586,834,348
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	278,626,206	-	(54,699,765)	223,926,441
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/09/2010</i>	4,500,924,600	986,183,331	-	323,652,858	5,810,760,789
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư tại ngày 01/01/2010</i>					
- Khấu hao trong năm	-	245,546,914	-	88,421,673	333,968,587
- Tăng khác	-	107,713,224	-	34,281,066	141,994,290
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/09/2010</i>	-	353,260,138	-	122,702,739	475,962,877
Giá trị còn lại của TSCĐ VH					
- Tại ngày 01/01/2010	4,500,924,600	462,010,211	-	289,930,950	5,252,865,761
- Tại ngày 30/09/2010	4,500,924,600	632,923,193	-	200,950,119	5,334,797,912

CÔNG TY TNHH VÀ HỢP TÁC HỮU HẠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	30/09/2010	01/01/2010
5.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4,233,743,556	775,406,250

5.14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: không phát sinh

5.15. Đầu tư tài chính dài hạn :

	30/09/2010	01/01/2010
- Đầu tư vào công ty con	232,981,703,405	155,882,459,181
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	80,468,170,000	29,659,000,000
- Đầu tư dài hạn khác	-	29,590,000,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9,583,144,750)	(7,731,605,304)
Cộng	303,866,728,655	207,399,853,877

* Đầu tư vào công ty con

	30/09/2010	01/01/2010
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Hòa Bình (100%)	737,786,451	300,000,000
- Công ty TNHH Sơn Hòa Bình (100%)	6,800,000,000	500,000,000
- Công ty TNHH Thương mại H.B.T (100%)	2,650,000,000	2,000,000,000
- Công ty TNHH Xây dựng Anh Huy (90%)	6,700,000,000	4,000,000,000
- Công ty CP đầu tư xây dựng hạ tầng Hòa Bình (80,78%)	99,599,100,000	62,700,000,000
- Công ty CP đầu tư phát triển Hòa Bình Phú Yên (98%)	13,828,474,224	8,917,300,259
- Công ty CP Nhà Hòa Bình (94%)	68,099,784,175	60,552,010,964
- Công ty CP đầu tư phát triển Hòa Bình Đắk Lắk (80%)	-	1,027,043,600
- Công ty CP cơ điện Hòa Bình (85%)	7,500,000,000	3,867,500,313
- Công ty CP đầu tư phát triển Hòa Bình Huế (95%)	5,066,558,555	4,697,497,768
- Công ty CP sản xuất và trang trí Mộc Hòa Bình (90%)	16,000,000,000	7,321,106,277
- Công ty TNHH MTV XD và Địa ốc Hòa Bình Hà Nội (100%)	6,000,000,000	-
Cộng	232,981,703,405	155,882,459,181

* Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2010	01/01/2010
- Công ty CP xây dựng Nhân Hưng (54%)	648,000,000	324,000,000
- Công ty CP chứng khoán Sen Vàng (21,73%)	29,335,000,000	29,335,000,000
- Cty Cổ phần Hòa Bình Phước Lộc Thọ (47,94%)	50,485,170,000	-
Cộng	80,468,170,000	29,659,000,000

* Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2010	01/01/2010
- Đầu tư trái phiếu	-	5,000,000
- Đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Hải Đăng	-	29,285,000,000
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Mạng Việt	-	300,000,000
Cộng	-	29,590,000,000

5.16. Chi phí trả trước dài hạn:

- Công cụ và dụng cụ
- Các khoản khác
- Cộng**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	18,706,031,524	31,335,707,547
	6,083,918,132	1,614,284,464
	<u>24,789,949,656</u>	<u>32,949,992,011</u>

5.17. Vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn
- Nợ dài hạn đến hạn trả
- Cộng**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	360,475,813,950.00	294,394,290,336
	3,188,490,747.00	8,003,115,211
	<u>363,664,304,697</u>	<u>302,397,405,547</u>

5.18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhập khẩu

Cộng

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	-	28,822,182,101
	28,450,531,234	12,413,281,233
	778,180,126	443,871,144
	88,285,103	-
	<u>29,316,996,463</u>	<u>41,679,334,481</u>

5.19. Chi phí phải trả

- Chi phí phát sinh của các công trình xây dựng
- Chi phí lãi vay
- Chi phí khác
- Cộng**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	102,494,242,584	85,354,785,217
	943,361,295	514,639,803
	42,378,267,850	1,037,443,733
	<u>145,815,871,729</u>	<u>86,906,868,753</u>

5.20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết
- Quỹ phát triển cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn
- Các bên có liên quan
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)
- Cộng**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
		2,631,166,892
	430,987,950	306,776,212
	-	136,036,536
	29,253,000	
	18,546,358,166	20,896,369
	<u>19,006,599,116</u>	<u>3,094,876,009</u>

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác :

- Cơ Quan Thuế
- Phải trả khác

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	19,396,369	
	18,526,961,797	
	<u>18,546,358,166</u>	-

5.21. Phải trả dài hạn nội bộ: chưa phát sinh**5.22. Vay và nợ dài hạn**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
a - Vay dài hạn		
- Vay dài hạn ngân hàng	29,050,692,308	24,155,207,204
Trừ: Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	(3,188,490,747)	(8,003,115,211)
- Trái phiếu phát hành		
b - Nợ dài hạn : chưa phát sinh		
Cộng	<u>25,862,201,561</u>	<u>16,152,091,993</u>

5.23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ		
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	275,357,084	
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
	<u>275,357,084</u>	<u>-</u>

b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: chưa phát sinh

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC HÒA BÌNH
235 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

5.24. Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	CL tỷ giá VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3		4	5	7	8
Số dư đầu năm trước	151,195,400,000	368,383,473,203	-		4,994,863,610	2,337,183,385	9,947,970,979	536,858,891,177
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-		-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-		-	-	39,278,504,280	39,278,504,280
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-		-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-		6,628,204,224	2,209,401,408	(13,256,408,448)	(4,418,802,816)
- Tăng khác	-	-	-		-	-	-	-
- Chi khác	-	-	-		-	-	(191,917,116)	(191,917,116)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-		-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư	-	-	(435,508,826)		-	-	-	(435,508,826)
- Sử dụng quỹ	-	-	-		-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	151,195,400,000	368,383,473,203	(435,508,826)	-	11,623,067,834	4,546,584,793	35,778,149,695	571,091,166,699
- Tăng vốn trong năm nay	16,114,630,000	-	-		-	-	-	16,114,630,000
- Lãi trong năm nay	-	-	-		13,538,345,164	4,512,781,722	90,255,634,426	108,306,761,312
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-		-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	632,930,842	(17,947,727,609)	-	-	-	(17,314,796,767)
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	(197,422,016)		-	-	-	(197,422,016)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-		-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-		-	-	(61,304,768,329)	(61,304,768,329)
Số dư cuối năm nay	167,310,030,000	368,383,473,203	-	(17,947,727,609)	25,161,412,998	9,059,366,515	64,729,015,792	616,695,570,899



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2010	01/01/2010
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	167,310,030,000	151,195,400,000
Vốn góp tăng trong năm		
Cộng	167,310,030,000	151,195,400,000
- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm		
- Số lượng cổ phiếu quỹ	500,000	

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2010	01/01/2010
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	151,195,400,000	151,195,400,000
+ Vốn góp tăng trong năm	16,114,630,000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	167,310,030,000	151,195,400,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	

d - Cổ tức

	30/09/2010	01/01/2010
- Chi trả cổ tức năm 2009 trong đó:	32,158,078,000	
Bằng tiền mặt: 12%	17,543,448,000	
Bằng phát hành cổ phiếu 10%: 1.461.463 cổ phiếu	14,614,630,000	
- Chi trả cổ tức năm nay		

d - Cổ phiếu

Đvt: cổ phiếu

	30/09/2010	01/01/2010
Cổ phiếu phổ thông		
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	16,731,003	15,119,540
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16,731,003	15,119,540
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16,231,003	15,119,540
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND	10.000 VND
- Cổ phiếu ưu đãi: không có		

e - Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2010	01/01/2010
- Quỹ đầu tư phát triển	25,161,412,998	11,623,067,834
- Quỹ dự phòng tài chính	9,059,366,515	4,546,584,793
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh; đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
Quỹ dự phòng tài chính được dùng để đáp ứng các nhu cầu tài chính.

Quỹ trợ cấp được dùng để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động như ma chay, ốm đau...

g - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể:

5.25. Nguồn kinh phí: Chưa phát sinh

5.26. Tài sản thuê ngoài: chưa phát sinh.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Quý I+II+III/2010</u>	<u>Quý I+II+III/2009</u>
6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)		
- Doanh thu bán hàng		193,655,521,873
- Doanh thu KD bất động sản	-	
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1,079,682,970,981	1,103,777,250,009
Cộng	<u>1,079,682,970,981</u>	<u>1,297,432,771,882</u>
	<u>Quý I+II+III/2010</u>	<u>Quý I+II+III/2009</u>
6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	-	-
	<u>Quý I+II+III/2010</u>	<u>Quý I+II+III/2009</u>
6.3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS10)	<u>1,079,682,970,981</u>	<u>1,297,432,771,882</u>
<i>Trong đó</i>		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá		
- Doanh thu KD bất động sản	-	193,655,521,873
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	1,079,682,970,981	1,103,777,250,009
	<u>Quý I+II+III/2010</u>	<u>Quý I+II+III/2009</u>
6.4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- Giá vốn của hàng hóa		219,272,101,843
- Giá vốn hàng hóa bất động sản		
- Giá vốn thi công công trình	914,079,575,797	1,029,328,581,381
Cộng	<u>914,079,575,797</u>	<u>1,248,600,683,224</u>
	<u>Quý I+II+III/2010</u>	<u>Quý I+II+III/2009</u>
6.5. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10,784,184,035	9,114,744,200
- Lãi thanh lý khoản đầu tư	7,614,100,000	

- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác
- Cộng**

3,762,216,583	322,768,036
22,160,500,618	9,437,512,236

6.6. Chi phí tài chính (Mã số 22)

- Lãi tiền vay
 - Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
 - Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
 - Lỗ bán ngoại tệ
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
 - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
 - Chi phí tài chính khác
- Cộng**

Quý I+II+III/2010	Quý I+II+III/2009
31,212,291,220	15,379,867,258
1,851,539,446	(10,349,783)
398,996,800	
33,462,827,466	15,369,517,475

6.7. Thu nhập khác (Mã số 31)

- Thu thanh lý tài sản cố định
 - Thu cho thuê văn phòng
 - Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
 - Lỗ bán ngoại tệ
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
 - Quản lý dự án
 - Thu nhập khác
- Cộng**

Quý I+II+III/2010	Quý I+II+III/2009
1,167,185,373	8,918,200
1,589,098,507	9,407,970
2,756,283,880	2,426,908,345

6.8. Chi phí khác (Mã số 32)

- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý
 - Chi thanh lý công cụ, dụng cụ
 - Chi phí thuê văn phòng
 - Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
 - Lỗ bán ngoại tệ
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
 - Chi phí khác
- Cộng**

Quý I+II+III/2010	Quý I+II+III/2009
1,046,146,539	8,290,494
357,343,429	1,329,882,306
1,403,489,968	2,953,579,497
1,403,489,968	4,291,752,297

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý I+II+III/2010</u>	<u>Quý I+II+III/2009</u>
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	119,086,773,708	23,853,684,630
Cộng : Chi phí không được khấu trừ		
Trừ: Chi phí được khấu trừ		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3,762,216,583	-
Lợi nhuận tính thuế	115,324,557,125	23,853,684,630
Thuế suất	25%	25%
 Thuế TNDN hiện hành theo thuế suất	 28,831,139,282	 5,848,427,308
Cộng thuế TNDN bổ sung theo quyết toán thuế	-	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28,831,139,282	5,848,427,308

6.10. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	<u>Quý I+II+III/2010</u>	<u>Quý I+II+III/2009</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ		
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	67,469,133	67,469,133
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
	67,469,133	67,469,133

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN
TỆ : chưa phát sinh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2010

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Phan Ngọc Thạnh



TỔNG GIÁM ĐỐC

Viết Hải